TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 12 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Đoàn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, đối với vụ án thụ lý số: 254/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1980** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 29 đường H, phường R, tỉnh A.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1986** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 29 đường H, phường R, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc X trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quang S sau một thời gian tự quen biết và tìm hiểu thì hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân phường R1, thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/2008. Quá trình chung sống bà

nhận thấy không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn hay cải vã. Nguyên nhân theo bà X cho rằng do chưa thật sự tìm hiểu kỹ về nhau, bất đồng trong quan điểm sống, sinh hoạt kể cả trong công việc làm ăn. Bà và ông S đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không thành; cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên bà X muốn ly hôn với ông S. Bà X xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Quang K, sinh ngày 19/02/2005 và Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/10/2010.

Các vấn đề cụ thể bà yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà tự nguyện giao con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/10/2010 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Quang K, do con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2025 bị đơn là ông Nguyễn Quang S trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc X; yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quỳnh T và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Quang K, do con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, ông xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Bà Nguyễn Ngọc X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Quang S; đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Quang S là bị đơn cư trú tại phường R, tỉnh An Giang; căn cứ quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025, có hiệu lực thi hành ngày 0/7/2025; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Bà Nguyễn Ngọc X và ông Nguyễn Quang S đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc X và ông Nguyễn Quang S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường R1, thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/2008, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Bà X xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa bà và ông S không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng sống ly thân đã lâu. Về phía ông S cũng đã có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn với bà X. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà X được ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống bà X và ông S có 02 con chung là Nguyễn Quang K, sinh ngày 19/02/2005 và Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/10/2010. Đối với con chung là Nguyễn Quang K, do con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà X và ông S thống nhất về việc giao cháu T cho ông S nuôi dưỡng sau khi ly hôn; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Bà X không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông S không có yêu cầu.

Ông S cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp bà X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà X.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[3] *Án phí sơ thẩm:* Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Do các bên đương sự thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi bên chịu 25% mức án phí quy định) tương đương số tiền 75.000 đồng/người; nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc X tự nguyện chịu toàn bộ án phí; do đó số tiền án phí bà X phải chịu là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004914 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), bà X được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc X đối với bị đơn ông Nguyễn Quang S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc X và ông Nguyễn Quang S.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/10/2010 cho ông Nguyễn Quang S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà X không cấp dưỡng nuôi con.

Ông S cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp bà X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà X.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004914 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), bà X được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường Rạch Giá;
- Lưu.